

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Cửa hàng xăng dầu Thiệu Chính tại xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Thương mại Quang Tuấn;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần Thương mại Quang Tuấn tại Công văn số 10/ĐĐN-QT ngày 10/9/2024 và Công văn số 16/ĐĐN-QT ngày 16/10/2024 về chỉnh sửa báo cáo và đề nghị cấp giấy phép môi trường Dự án Cửa hàng xăng dầu Thiệu Chính tại xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1638/TTr-STNMT ngày 19 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Thương mại Quang Tuấn, địa chỉ tại: Thôn Dân Chính, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cửa hàng xăng dầu Thiệu Chính tại thôn Dân Chính xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Cửa hàng xăng dầu Thiệu Chính tại thôn Dân Chính, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Dân Chính, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2801162158 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 17/7/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 07/5/2019.

1.4. Mã số thuế: 2801162158

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh xăng dầu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 3.295,2 m². Các hạng mục công trình: Nhà mái che cột bơm; Nhà bán hàng; Nhà vệ sinh; Bể chứa xăng dầu; Bể nước, bể cát PCCC, bể lắng gạn dầu; Trạm cấp điện; Cây xanh, thảm cỏ; Sân đường nội bộ.

- Công suất: Cửa hàng xăng dầu cấp III, khoảng 100 m³/tháng.

- Sản phẩm: Xăng R95 khoảng 20.000 lít/tháng; Xăng E5-RON92 khoảng 35.000 lít/tháng; Dầu Dieszel khoảng 40.000 lít/tháng; Dầu nhớt khoảng 500 lít/tháng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm các yêu cầu về khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải và các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường khác quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Thương mại Quang Tuấn:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Thương mại Quang Tuấn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp

giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(Từ ngày 30 tháng 10 năm 2024 đến ngày 30 tháng 10 năm 2034)

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Thiệu Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của cơ sở được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Cty CP Thương mại Quang Tuấn (để t/hiện);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Thiệu Hóa;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hoá)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (khu nhà vệ sinh, rửa tay chân, tắm giặt) có lưu lượng lớn nhất là 1,1 m³/ngày.đêm.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình súc, rửa bồn téc xăng dầu, với khối lượng khoảng 0,004 m³/lần xúc rửa (định kỳ 05 năm xúc rửa 1 lần).

1.3. Nguồn số 03: Nước mưa nhiễm dầu phát sinh tại khu vực nhập liệu, rất ít và chỉ khi có mưa, lưu lượng khoảng 0,06 m³/ngày đêm.

Tổng khối lượng nước thải phát sinh tại dự án phải xử lý là: 1,164 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương hiện trạng phía Đông dự án, tại thôn Dân Chính, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt sau khi thu gom xử lý tại bể tự hoại cải tiến Bastaf 5 ngăn và bể khử trùng, chảy ra mương hiện trạng phía Đông dự án.

- Dòng thải số 02: Nước thải từ quá trình súc, rửa bồn téc xăng dầu, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và đưa đi xử lý.

- Dòng thải số 03: Nước mưa nhiễm dầu sau khi thu gom xử lý tại bể lắng gạn dầu 3 ngăn, chảy ra mương hiện trạng phía Đông dự án.

2.2. Vị trí xả thải: Nước thải sau xử lý được xả ra mương hiện trạng phía Đông dự án. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

Toạ độ vị trí xả thải (Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiếu 3⁰):

- Dòng thải số 01: X(m) = 2201069; Y(m) = 563280.

- Dòng thải số 02: Không xả thải ra môi trường

- Dòng thải số 03: X(m) = 2201093; Y(m) = 563285.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 1,16 m³/ngày đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy tràn

- Hình thức xả thải: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Dòng thải số 01: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.
- Dòng thải số 02: Không xả thải.
- Dòng thải số 03: Không thường xuyên, chỉ phát sinh khi mưa

2.3.3. Chất lượng nước thải:

- Dòng thải số 01: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt; cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản 3, điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 4, điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	120		
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60		
4	COD	mg/l	-		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
6	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/l	60		
7	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/l	12		
8	Coliforms	MPN/100 ml	5.000		

- Dòng thải số 02: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 29:2010/BTNMT Cột B
 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (cửa hàng không có dịch vụ rửa xe); cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 -9	Không thuộc đối	Không thuộc đối

2	TSS	mg/l	120	tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản 3, điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 4, điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
3	COD	mg/l	150		
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (nước thải rửa tay chân, tắm giặt, nước thải vệ sinh) → Bể tự hoại cải tiến Bastaf 5 ngăn → Bể khử trùng → Đường ống PVC D110 → Mương hiện trạng phía Đông dự án.

- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình súc, rửa bồn téc xăng dầu phát sinh tại khu vực bể chứa xăng dầu → Thu gom vào thùng chứa CTNH dung tích 50 lít → Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và đưa đi xử lý.

- Nguồn số 03: Nước mưa nhiễm dầu phát sinh tại khu vực nhập liệu → Cống D400 thu gom nước mưa chảy tràn → Bể lắng dầu 3 ngăn → Cống thoát nước mưa D600 → Mương hiện trạng phía Đông dự án.

Hệ thống xử lý nước mưa nhiễm dầu có quy trình như sau: Nước mưa nhiễm dầu → Ngăn thu gom, lắng dầu → Ngăn lắng cát → Ngăn chứa cặn xăng dầu.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- 02 bể tự hoại 5 ngăn, thể tích 8m³/bể, kích thước 2x2x2m.

- 01 bể khử trùng, thể tích 1,5 m³, kích thước 1,5x1x1m.

- 01 bể xử lý nước mưa nhiễm dầu 3 ngăn, gồm: Ngăn thu gom, lắng dầu (thể tích 2m³, kích thước 2x1x1m), Ngăn lắng cát (thể tích 2m³, kích thước 2x1x1m), Ngăn chứa cặn xăng dầu (thể tích 0,5m³, kích thước 1x0,5x1m).

- Hóa chất sử dụng: Clorine (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K =1,2).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố không hoạt động (thiết bị không hoạt động, vỡ đường ống,...), nước thải sẽ được lưu tại các ngăn của công trình xử lý nước thải, nhanh chóng sửa chữa, khắc phục sự cố để tiếp tục xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố lớn, thời gian sửa chữa kéo dài, các bể không còn sức chứa, Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý như chất thải nguy hại. Trong quá trình khắc phục, tuyệt đối không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

1.4.2. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

1.4.3. Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc công trình xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022). Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống bể tự hoại cải tiến 5 ngăn và bể khử trùng.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải sau khi xử lý tại bể khử trùng, trước khi thải ra môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành các công trình xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với Trạm xử lý nước thải tập trung.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Công ty cổ phần Thương Mại Quang Tuấn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu của giấy phép ra môi trường./.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Thanh Hoá)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào dự án, lưu lượng không xác định.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ quá trình xuất nhập xăng dầu tại bể chứa, lưu lượng không xác định.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ hoạt động bơm xăng dầu tại khu vực bán hàng, lưu lượng không xác định.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh hoạt động của máy phát điện, lưu lượng 445 m³/h phát thải không thường xuyên.

2. Dòng khí thải đề nghị cấp phép:

Các nguồn phát sinh khí thải trên không thuộc đối tượng xin cấp phép:

- Nguồn số 01, 02, 03: Là nguồn phân tán, lưu lượng không xác định nên không thuộc nguồn xin cấp phép.
- Nguồn số 03: Máy phát điện sử dụng dầu DO, khí thải thải ra đã được kiểm định bởi các nhà sản xuất nên tiêu chuẩn khí thải ra đạt tiêu chuẩn cho phép thải ra môi trường.

3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

3.1. Mạng lưới, công trình thu gom, xử lý khí thải phát sinh:

Các dòng khí thải được thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

3.3. Quan trắc khí thải định kỳ

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

4. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC:

1. Thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Khi nhập xăng dầu vào bể phải sử dụng phương án nhập kín; Để hạn chế hơi xăng dầu phát sinh tại miệng ống xuất xăng dầu vào phương tiện giao thông trang bị goăng cao su bao quanh ống xuất;

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho nhân viên;

- Bồn bể chứa đảm bảo độ kín tốt, thường xuyên được kiểm tra. Các bể chứa có nắp đậy và nắp khoang tốt, các khe rãnh của nắp đặt đệm, đảm bảo độ kín tốt, nếu không có các khe rãnh, dưới nắp phải có đệm cacton.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

- Khi có sự cố rò rỉ xăng dầu chủ đầu tư sẽ cần nghiêm chỉnh áp dụng biện pháp ứng phó sự cố rò rỉ xăng dầu như dùng cát, mùn cưa, giấy thấm dầu để thu xăng dầu, hạn chế sự phát tán của xăng dầu cũng như hơi xăng dầu ảnh hưởng đến môi trường.

2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Thanh Hoá)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung :

- Nguồn số 01: Phương tiện ra vào bơm xăng dầu.
- Nguồn số 02: Các máy móc, thiết bị, phương tiện tại khu vực xuất nhập xăng dầu.
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ vị trí đại diện: X= 2201090 (m), Y= 563258 (m).
- Nguồn số 02: Tọa độ vị trí đại diện: X= 2201083 (m), Y= 563256 (m).
- Nguồn số 03: Tọa độ vị trí phát thải: X= 2201090 (m), Y= 563267 (m).

(Theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰ múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, và quy định theo Thông tư số 24/2016/TT-BYT quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Sử dụng các thiết bị, máy móc hiện đại, hạn chế tối đa tiếng ồn phát sinh;
- Thường xuyên bảo dưỡng bôi trơn động cơ để tránh hiện tượng động cơ của máy móc thiết bị bị khô dầu khi vận hành gây ra những tiếng ồn ào khó chịu.
- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị máy móc vận hành dự án nếu phát hiện hư hỏng cần có biện pháp thay thế để đảm bảo quá trình vận hành tốt.
- Đặt các biển chỉ dẫn quy định tốc độ xe chạy cho các phương tiện ra vào tại dự án.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị để hạn chế tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI VÀ CÁC YÊU CẦU KHÁC
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Thanh Hoá)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giẻ lau dính dầu mỡ (<i>Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại</i>)	18 02 01	6,0
2	Bóng đèn huỳnh quang (<i>Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải</i>)	16 01 06	10,0
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	6,0
4	Cặn xăng dầu từ sục rửa bể (<i>Xăng dầu thải</i>)	17 06 02	7,12
5	Hộp mực in (<i>Loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo thải</i>)	08 02 08	2,0
6	Vỏ bình gas LPG (<i>Bao bì kim loại cứng đã chứa chất khí thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang thải</i>)	18 01 02	33.600
7	Cát thay tại bể lắng gạn dầu (<i>Chất thải rắn từ buồng lọc cát sỏi và các bộ phận khác của thiết bị tách dầu/nước</i>)	17 05 01	2.000
Tổng khối lượng			35.631,12

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
5	Bùn cặn từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải	Bùn sệt	620

Tổng cộng	620
------------------	------------

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt:

Stt	Nguồn phát sinh	Khối lượng (kg/ngày)	Khối lượng (tấn/năm)
1	Hoạt động sinh hoạt của công nhân, khách vắng lai	5,0	1,825

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1	Thùng chứa chất thải rắn nguy hại	Dung tích 50 lít	01 thùng
2	Thùng chứa chất thải rắn nguy hại	Dung tích 500 lít	02 thùng
3	Thùng chứa chất thải rắn nguy hại	Dung tích 50 lít	01 thùng

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà: 01 kho

- Diện tích kho lưu chứa 10 m², cạnh nhà vệ sinh (phía Tây dự án).
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: có mái che, quây tôn xung quanh đảm bảo cách biệt với bên ngoài, nền betong, có biển cảnh báo, gờ phân cách, trong mỗi ô bố trí các thùng chứa đối với từng loại chất thải, có gắn biển báo nhãn mác. Phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.
- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý khi có nhu cầu.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: không lưu chứa.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

Không lưu chứa. Hợp đồng với đơn vị chức năng hút bằng các xe chuyên dụng và đưa đi xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1	Thùng đựng rác thải sinh hoạt loại 5 lít	Dung tích 5 lít	12 thùng
2	Thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt loại 50 lít	Dung tích 50 lít	05 thùng
3	Thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt loại 100 lít	Dung tích 100 lít	03thùng

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Tập kết tại khu vực góc phía Tây dự án, khu vực tập kết có diện tích 10 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Có mái che bằng tôn, nền láng bê tông chống thấm.

Tất cả rác thải của cơ sở được thu gom về thùng chứa rác có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 27, Điều 34, Điều 36 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Chỉ được chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, bùn thải, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.5 Biện pháp giảm thiểu tác động từ các công trình xử lý môi trường:

- Bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt;
- Thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, thoát nước mưa và định kỳ phun khử trùng khu thoát nước trong dự án.
- Đối với các thùng rác sinh hoạt phải được thu gom, xử lý với tần suất 1 lần/ngày..

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, sự cố tràn dầu, sự cố bục vỡ đường ống và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ theo kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định 2245/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu Cửa hàng xăng dầu Thiệu Chính tại xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa của Công ty cổ phần thương mại Quang Tuấn;

- Tuân thủ, trang bị, thực hiện đầy đủ các phương án phòng cháy chữa cháy được Phòng cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Thanh Hóa thẩm duyệt thiết kế tại Giấy chứng nhận số 169/TD-PCCC ngày 16/5/2022; và nội dung điều chỉnh

tại Văn bản số 154/TD-PCCC ngày 19/3/2024 của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Thanh Hóa.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành quy định chi tiết quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

3. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sinh hoạt sau xử lý đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; K= 1,2); Nước mưa nhiễm dầu sau xử lý đáp ứng QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (Cột B, cửa hàng không có dịch vụ rửa xe). Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; Kiểm soát hoạt động của các công trình xử lý nước thải đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh. Thực hiện quan trắc chất lượng nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải định kỳ 1 lần/năm.

4. Kiểm soát chất lượng không khí đảm bảo QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm

việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc. Thực hiện quan trắc chất lượng không khí định kỳ 1 lần/năm.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành;

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.